

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: 12/QNW-2025

" V/v giải trình lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 4 năm 2024 trước kiểm toán so với BCTC năm 2024 sau kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu:

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Mã cổ phiếu:

QNW

Địa chỉ:

17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi

Mã số thuế:

4300326264

Người đại diện:

ông NGUYỄN ĐĂNG ĐỜ

Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 4 năm 2024 trước kiểm toán so với BCTC năm 2024 sau kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | CÔNG TY MẸ | | | | HỢP NHẤT | | | |
|---|-------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------|----------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------|----------|
| | | BCTC năm 2024 sau kiểm toán | BCTC quý 4/2024 trước kiểm toán | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) | BCTC năm 2024 sau kiểm toán | BCTC quý 4/2024 trước kiểm toán | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3-4 | 6=5/4 | 7 | 8 | 9=7-8 | 10=9/8 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 114.165.281.775 | 114.167.785.437 | (2.503.662) | | 114.504.400.294 | 114.506.903.956 | (2.503.662) | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 | 0 | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 114.165.281.775 | 114.167.785.437 | (2.503.662) | -0,002% | 114.504.400.294 | 114.506.903.956 | (2.503.662) | -0,002% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 55.132.663.795 | 54.386.583.490 | 746.080.305 | 1% | 55.152.164.492 | 54.406.084.187 | 746.080.305 | 1% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11) | 20 | 59.032.617.980 | 59.781.201.947 | (748.583.967) | -1% | 59.352.235.802 | 60.100.819.769 | (748.583.967) | -1% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 3.445.374.883 | 3.445.374.883 | 0 | 0% | 3.651.191.501 | 3.651.191.501 | 0 | 0% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 852.954.873 | 852.954.873 | 0 | 0% | 456.354.534 | 454.495.275 | 1.859.259 | 0% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 456.354.534 | 456.354.534 | 0 | | 456.354.534 | 454.495.275 | 1.859.259 | |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 4.939.612.170 | 4.259.362.170 | 680.250.000 | 16% | 4.939.612.170 | 4.259.362.170 | 680.250.000 | 16% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 14.824.290.606 | 9.665.816.606 | 5.158.474.000 | 53% | 15.536.836.812 | 10.378.362.812 | 5.158.474.000 | 50% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26) | 30 | 41.861.135.214 | 48.448.443.181 | (6.587.307.967) | -14% | 42.070.623.787 | 48.659.791.013 | (6.589.167.226) | -14% |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 0 | 0 | 0 | 0% | | | 0 | 0% |
| 12. Chi phí khác | 32 | 31.968.822 | 31.968.822 | 0 | 0% | 42.185.824 | 42.185.824 | 0 | 0% |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | (31.968.822) | (31.968.822) | 0 | | (42.185.824) | (42.185.824) | 0 | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | 41.829.166.392 | 48.416.474.359 | (6.587.307.967) | -14% | 42.028.437.963 | 48.617.605.189 | (6.589.167.226) | -14% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 8.549.278.720 | 9.866.740.314 | (1.317.461.594) | -13% | 8.589.133.034 | 9.906.594.629 | (1.317.461.595) | -13% |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 0 | 0 | 0 | | | | 0 | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | 33.279.887.672 | 38.549.734.045 | (5.269.846.373) | -14% | 33.439.304.929 | 38.711.010.560 | (5.271.705.631) | -14% |



| Chỉ tiêu | Mã số | CÔNG TY MẸ | | | | HỢP NHẤT | | | |
|--|-------|-----------------------------|---------------------------------|-----------|----------|-----------------------------|---------------------------------|-----------|----------|
| | | BCTC năm 2024 sau kiểm toán | BCTC quý 4/2024 trước kiểm toán | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) | BCTC năm 2024 sau kiểm toán | BCTC quý 4/2024 trước kiểm toán | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3-4 | 6=5/4 | 7 | 8 | 9=7-8 | 10=9/8 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | | | | | | | | |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | | | | | 33.375.538.026 | 38.647.243.658 | | |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | | | | 63.766.903 | 63.766.902 | | |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | | | | | 1.669 | 1.932,36 | | |

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận trong năm 2024 trong BCTC sau kiểm toán giảm với lý do : Doanh thu bán hàng không thay đổi đáng kể.
- Trong khi : giá vốn hàng bán chỉ tăng 1%, chi phí bán hàng tăng 16% trong đó trích lập bổ sung đủ quỹ tiền lương cho bộ phận bán hàng là: 680.250.000 đồng theo Quyết định số 48/QĐ-Cty về việc trích lập dự phòng quỹ tiền lương năm 2024 , chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh 53% trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 5.044.234.000 đồng Quyết định số 49/QĐ-Cty về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm 2024 trong BCTC sau kiểm toán giảm 14% so với BCTC quý 4/2024 trước kiểm toán.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận trong năm 2024 trong BCTC sau kiểm toán giảm với lý do : Doanh thu bán hàng không thay đổi đáng kể.
- Trong khi : giá vốn hàng bán chỉ tăng 1%, chi phí bán hàng tăng 16% trong đó trích lập bổ sung đủ quỹ tiền lương cho bộ phận bán hàng là: 680.250.000 đồng theo Quyết định số 48/QĐ-Cty về việc trích lập dự phòng quỹ tiền lương năm 2024 , chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh 50% trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 5.044.234.000 đồng Quyết định số 49/QĐ-Cty về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm 2024 trong BCTC sau kiểm toán giảm 14% so với BCTC quý 4/2024 trước kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu P.Kế toán, P.HC

